

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động
của Viện Quy hoạch Thủy lợi**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 999/QĐ-TTg ngày 19/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Trên cơ sở Quyết định số 3908/QĐ-BNN-TCCB ngày 12/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Quy hoạch Thủy lợi;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Quy hoạch Thủy lợi tại Tờ trình số 388/TTr-QHTL ngày 15/12/2014 về việc đề nghị phê duyệt Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Viện Quy hoạch Thủy lợi;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành “Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Viện Quy hoạch Thủy lợi” gồm 7 Chương 36 Điều kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Viện trưởng Viện Quy hoạch Thủy lợi, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Vụ, Tổng cục, Cục;
- UBND thành phố Hà Nội;
- Lưu VT, TCCB.



ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Viện Quy hoạch Thủy lợi
(Ban hành kèm theo Quyết định số 5382/QĐ-BNN-TCCB ngày 29/12 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Điều lệ này quy định về chế độ, trách nhiệm, lề lối làm việc; công tác quản lý điều hành; mối quan hệ công tác; kiểm tra, thanh tra; thi đua, khen thưởng và xử lý vi phạm của Viện Quy hoạch Thủy lợi.

2. Điều lệ này áp dụng đối với tất cả lãnh đạo, công chức, viên chức, người lao động trong Viện Quy hoạch Thủy lợi; các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quan hệ công tác với Viện Quy hoạch Thủy lợi.

Điều 2. Tên gọi và vị trí

1. Viện Quy hoạch Thủy lợi (sau đây gọi tắt là Viện) được tổ chức lại trên cơ sở Quyết định số 999/QĐ-TTg ngày 19/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Quyết định số 3908/QĐ-BNN-TCCB ngày 12/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Quy hoạch Thủy lợi.

2. Viện là tổ chức sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có tư cách pháp nhân, con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng để hoạt động theo quy định của pháp luật.

Kinh phí hoạt của Viện được bố trí từ ngân sách nhà nước và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Tên giao dịch Quốc tế: Institute of Water Resources Planning (viết tắt là IWRP).

4. Trụ sở chính của Viện đặt tại Thành phố Hà Nội.

Điều 3. Quản lý Nhà nước đối với Viện

1. Viện chịu sự quản lý trực tiếp của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn; chịu sự quản lý hành chính theo lãnh thổ của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Viện đặt trụ sở.

2. Viện chịu sự quản lý hành chính theo lãnh thổ của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Viện và các tổ chức trực thuộc Viện đặt trụ sở.

Điều 4. Chức năng

Viện có chức năng điều tra cơ bản; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; đào tạo và hợp tác quốc tế; tư vấn và dịch vụ để lập quy hoạch thủy lợi nhằm điều hòa, sử dụng, bảo vệ và phát triển bền vững nguồn nước, môi trường và chất lượng nước trên phạm vi toàn quốc.

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn

Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 3908/QĐ-BNN-TCCB ngày 12/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Quy hoạch Thủy lợi (sau đây gọi tắt là Quyết định số 3908/QĐ-BNN-TCCB).

Chương II TỔ CHỨC BỘ MÁY

Điều 6. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Viện có Viện trưởng và không quá 03 Phó Viện trưởng do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.

2. Các Phòng chuyên môn nghiệp vụ, Trung tâm, Văn phòng trực thuộc Viện có số lượng và tên gọi được quy định tại Quyết định số 3908/QĐ-BNN-TCCB.

Điều 7. Nhiệm vụ của các tổ chức thuộc Viện

1. Nhiệm vụ của các phòng chuyên môn nghiệp vụ do Viện trưởng Viện Quy hoạch Thủy lợi quy định trên cơ sở Quyết định số 3908/QĐ-BNN-TCCB.

2. Nhiệm vụ của các tổ chức trực thuộc Viện có tư cách pháp nhân (Trung tâm, Văn phòng) do Viện trưởng Viện Quy hoạch Thủy lợi quy định sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Bộ.

Điều 8. Hội đồng tư vấn giúp việc Viện trưởng

1. Hội đồng Khoa học: tư vấn giúp Viện trưởng trong việc xây dựng chiến lược phát triển khoa học, công nghệ trong lĩnh vực quy hoạch thủy lợi nhằm điều hòa, sử dụng, bảo vệ và phát triển bền vững nguồn nước, môi trường và chất lượng nước; kế hoạch khoa học, công nghệ dài hạn, năm năm và hàng năm; chính sách, cơ chế liên quan đến khoa học, công nghệ; tổ chức hệ thống các đơn vị nghiên cứu, phát triển công nghệ; đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực khoa học, công nghệ; hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ về quy hoạch thủy lợi.

2. Hội đồng chuyên môn và các Hội đồng khác: tư vấn giúp Viện trưởng trong việc thẩm định, nghiệm thu các đề tài, dự án khoa học công nghệ; thi đua, khen thưởng; kỷ luật; đào tạo; tuyển dụng; nâng lương; thăng hạng chức danh nghề nghiệp; thanh lý tài sản và những vấn đề khác theo yêu cầu của Viện trưởng.

3. Viện trưởng quyết định thành lập, giải thể, quy định chức năng, nhiệm vụ và ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của các Hội đồng theo quy định của pháp luật.

Chương III

THẨM QUYỀN, PHẠM VI GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC

Điều 9. Viện trưởng

1. Chủ động tổ chức thực hiện Quyết định số 3908/QĐ-BNN-TCCB của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; chỉ đạo, điều hành toàn bộ các hoạt động của Viện, chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Viện.

2. Phân công các Phó Viện trưởng phụ trách một số lĩnh vực công tác; ủy quyền cho thủ trưởng các đơn vị thuộc Viện giải quyết một số vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Viện trưởng.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của các đơn vị trực thuộc Viện trong việc thực hiện pháp luật, nhiệm vụ đã phân công, phân cấp thuộc lĩnh vực quản lý của Viện.

4. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức thuộc Viện theo phân cấp của Bộ và quy định của pháp luật; quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức trực thuộc Viện theo quy định; chỉ đạo, thẩm định và ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc; các quy chế quản lý, điều hành Viện theo quy định.

5. Khi Viện trưởng vắng mặt 03 ngày trở lên phải phân công một Phó Viện trưởng thường trực (bằng văn bản) để điều hành giải quyết công việc của Viện.

6. Chủ trì tổ chức thực hiện các chương trình, đề tài, dự án và các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng giao.

7. Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo quản lý của các đơn vị trực thuộc và các chức danh khác theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; tổ chức đánh giá công chức, viên chức, hợp đồng lao động thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

8. Quyết định thành lập các Hội đồng tư vấn theo quy định tại Điều 8 của Điều lệ này; cử công chức, viên chức và người lao động đi công tác, học tập ở nước ngoài; khen thưởng, kỷ luật; nâng lương và Quyết định khác theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

9. Tổ chức thực hiện công tác phòng chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm khi để xảy ra tham nhũng, gây thiệt hại trong tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý của mình.

10. Ký ban hành tất cả các Văn bản hành chính của Viện theo quy định.

Điều 10. Các Phó Viện trưởng

1. Thẩm quyền, trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của các Phó Viện trưởng do Viện trưởng phân công hoặc ủy quyền. Các Phó Viện trưởng chịu trách nhiệm trước Viện trưởng, trước pháp luật về lĩnh vực được phân công phụ trách hoặc được uỷ quyền.

2. Ký ban hành các văn bản theo phân công hoặc ủy quyền của Viện trưởng.

Điều 11. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Viện

1. Có trách nhiệm quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động của đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được Viện trưởng giao. Chịu trách nhiệm trước Viện trưởng và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của đơn vị.

2. Đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền hoặc đúng thẩm quyền nhưng không đủ khả năng và điều kiện để giải quyết thì Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Viện phải chủ động báo cáo Viện trưởng xử lý; không chuyển công việc thuộc thẩm quyền lên lãnh đạo Viện; không giải quyết công việc không thuộc nhiệm vụ của đơn vị mình.

3. Xây dựng và ban hành quy chế, quy định của đơn vị để tổ chức hoạt động theo quy định của pháp luật và của Viện. Phân công, ủy quyền công việc cho cấp phó và viên chức trong đơn vị. Thực hiện phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm khi để xảy ra tham nhũng, gây thiệt hại trong tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý của mình.

4. Chủ động phối hợp với Thủ trưởng các đơn vị khác thuộc Viện xử lý các vấn đề có liên quan đến nhiệm vụ của đơn vị và nhiệm vụ chung của Viện.

5. Chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước và của chính quyền địa phương nơi đóng trụ sở.

Điều 12. Công chức, viên chức và lao động hợp đồng

1. Chủ động thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Chấp hành sự phân công và chịu trách nhiệm cá nhân trước Thủ trưởng đơn vị, trước lãnh đạo Viện, trước pháp luật về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Thực hiện nghĩa vụ, quyền lợi của công chức, viên chức và người lao động theo quy định của Luật Cán bộ, Công chức; Luật Viên chức; Bộ Luật Lao động và quy định của pháp luật có liên quan.

Chương IV CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH

Điều 13. Nguyên tắc quản lý điều hành chung

1. Hoạt động của Viện phải tuân theo quy định của pháp luật; quy định về chức năng, nhiệm vụ của Viện; quy chế làm việc của Bộ.

2. Trình tự, thủ tục và thời hạn giải quyết công việc theo đúng các quy định của pháp luật, quy định của Bộ và của Viện, đảm bảo sự phối hợp công tác, trao đổi thông tin trong giải quyết công việc, mọi hoạt động phải theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định.

3. Viện thống nhất quản lý về: chiến lược phát triển Viện; chiến lược của các tổ chức trực thuộc Viện; công tác cán bộ, số lượng người làm việc; quy hoạch phát triển nguồn nhân lực và quy chế điều hành chung toàn Viện theo quy định.

4. Viện làm việc theo chế độ thủ trưởng, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ và phát huy năng lực, trách nhiệm cá nhân của từng công chức, viên chức, quan hệ chặt chẽ với tổ chức Đảng, các đoàn thể chính trị, xã hội. Mọi việc do một người phụ trách và chịu trách nhiệm chính.

5. Viện thực hiện phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho các đơn vị trực thuộc theo thẩm quyền; sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, tài sản hiện có để phát triển khoa học, công nghệ của Viện.

6. Thủ trưởng các đơn vị tham dự đầy đủ các cuộc họp do lãnh đạo Viện triệu tập, trường hợp thủ trưởng đơn vị đi công tác vắng thì cử cấp phó đi họp thay. Khi cần thiết lãnh đạo Viện mời thủ trưởng đơn vị, công chức, viên chức liên quan dự họp để giải quyết công việc cụ thể.

7. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, 06 tháng, hàng năm và đột xuất về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định.

8. Các đơn vị có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ để thực hiện các Quyết định và nhiệm vụ do Viện trưởng và Bộ giao.

Điều 14. Về quản lý khoa học công nghệ và tư vấn dịch vụ

1. Viện trưởng thống nhất quản lý việc phân công thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ thường xuyên, lâu dài theo chức năng, nhiệm vụ do Nhà nước giao trong toàn Viện.

2. Các đơn vị trong Viện được sử dụng giấy phép đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ của đơn vị mình hoặc giấy phép đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ của Viện để tham gia đấu thầu, tuyển chọn, ký kết hợp đồng với các đối tác theo quy định của pháp luật.

3. Hàng năm Viện tổ chức đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ của từng đơn vị và giao nhiệm vụ tiếp theo.

4. Các hoạt động khoa học, công nghệ, tư vấn, dịch vụ phải tuân theo Luật Khoa học Công nghệ, Luật Chuyên gia công nghệ; các quy định, hướng dẫn của Bộ và quy định của pháp luật có liên quan.

5. Các đề án, đề tài, dự án nghiên cứu các cấp, sau khi nghiệm thu hoàn thành phải nộp đủ hồ sơ, sản phẩm về Viện, chỉ được làm thủ tục thanh lý hợp đồng, thanh quyết toán sau khi đã có xác nhận đủ hồ sơ lưu trữ, xử lý tài sản kết thúc dự án theo quy định.

6. Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học phải có kế hoạch, mục tiêu, nội dung, thành phần dự cụ thể và chuẩn bị tài liệu đầy đủ đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ của Viện là tài sản chung của nhà nước được bảo mật, đăng ký sở hữu trí tuệ, lưu trữ, sử dụng, công bố theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Công tác kế hoạch

1. Viện xây dựng kế hoạch hoạt động, tài chính trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện định kỳ, làm căn cứ điều chỉnh, xây dựng kế hoạch.

3. Thực hiện đúng chế độ báo cáo, thống kê, kế toán theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Công tác thống kê

1. Tổ chức thực hiện công tác thống kê phục vụ yêu cầu quản lý của Bộ, của Viện và các đơn vị trực thuộc.

2. Thực hiện các cuộc điều tra thống kê và chế độ báo cáo thống kê của Nhà nước theo quy định của Luật Thống kê và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 17. Về quản lý tài chính

1. Viện trưởng chịu trách nhiệm thực hiện dự toán theo quy định của pháp luật. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Viện được chủ động trong quá trình thực hiện công tác tài chính được giao và chịu sự kiểm tra, kiểm soát công tác tài chính kế toán của Viện trưởng và theo quy định của pháp luật. Cụ thể như sau:

a) Tổng hợp và phân bổ các nguồn kinh phí, quyết định giao, kiểm tra việc thực hiện dự toán thu, chi ngân sách, điều chỉnh dự toán, duyệt, tổng hợp quyết toán theo quy định của Luật ngân sách cho các đơn vị thành viên báo cáo Bộ quyết định;

b) Quản lý quy hoạch tổng thể, phê duyệt kế hoạch xây dựng, sửa chữa, mua sắm thiết bị và các nội dung đầu tư khác bằng nguồn vốn trong và ngoài nước; báo cáo về Bộ để theo dõi tổng hợp theo quy định của pháp luật.

2. Quản lý các nguồn thu tài chính của Viện bao gồm:

a) Kinh phí do ngân sách Nhà nước cấp:

- Nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
- Nguồn kinh phí thường xuyên;
- Nguồn kinh phí không thường xuyên;
- Nguồn vốn đối ứng;
- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Nguồn vốn khác (nếu có).

b) Các nguồn thu sự nghiệp, gồm: thu từ phí và lệ phí theo quy định; thu từ hoạt động cung ứng dịch vụ; thu từ hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, hợp đồng chuyển giao công nghệ; thu sự nghiệp khác.

c) Vốn viện trợ, quà biếu, tặng của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước.

d) Nguồn tài chính khác, gồm: vốn khấu hao tài sản cố định; thanh lý tài sản được để lại theo quy định; vốn huy động của các cá nhân, vốn vay của các tổ chức tín dụng; các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

đ) Các khoản thu từ ngân sách Nhà nước và các hoạt động khoa học công nghệ, tư vấn, dịch vụ được kiểm soát trong tài khoản của Viện và các đơn vị trực thuộc Viện theo đúng quy định của pháp luật.

e) Các đơn vị trực thuộc Viện trích nộp từ các nguồn thu hợp pháp (mức trích nộp theo quy chế chi tiêu nội bộ) để hỗ trợ một phần cho các hoạt động của Viện theo quy định của pháp luật.

3. Quản lý chi tiêu trong Viện:

a) Chi thực hiện nhiệm vụ được giao; chi thực hiện các hoạt động dịch vụ; chi lương và hoạt động bộ máy; chi lập các quỹ; chi khác theo quy định của pháp luật;

b) Mọi khoản chi của Viện và các đơn vị thành viên phải đảm bảo công khai, minh bạch, đúng mục đích, có hiệu quả. Công chức, viên chức và người lao động trong đơn vị đều có quyền và trách nhiệm giám sát việc chi tiêu trong đơn vị.

Chế độ quản lý tài chính, kế toán, tài sản của Viện thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán, Luật đầu tư công và các quy định khác của pháp luật và quy chế chi tiêu nội bộ của Viện. Viện trưởng, Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn tài chính, tài sản của đơn vị; thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Quản lý cơ sở vật chất, trụ sở làm việc và tài sản

1. Cơ sở vật chất và trụ sở làm việc: Viện thống nhất thực hiện quản lý tài sản, đất đai theo Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; Luật Đất đai và các quy định pháp luật có liên quan; thống nhất quản lý các dự án đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất trong toàn Viện, mọi công trình xây dựng, sửa chữa phải được Viện trưởng phê duyệt hoặc trình Bộ phê duyệt; các đơn vị trực thuộc Viện được giao quản lý và sử dụng cơ sở vật chất, trụ sở hiện có và được bố trí, sắp xếp lại phù hợp yêu cầu phát triển Viện.

2. Viện trưởng lập quy hoạch xây dựng chung của toàn Viện và trình cấp có thẩm quyền để xin chủ trương đầu tư xây dựng và thực hiện quản lý đầu tư xây dựng theo đúng quy định của pháp luật.

3. Quản lý về tài sản:

a) Viện quản lý sử dụng và khai thác tài sản do Nhà nước giao gồm: đất đai, trụ sở, thiết bị, tài sản và các nguồn lực khác được trang bị từ các nguồn kinh phí của Nhà nước để hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của Viện;

b) Viện lập kế hoạch mua sắm tài sản thiết bị theo yêu cầu nhiệm vụ trình Bộ phê duyệt. Tất cả tài sản, thiết bị mua sắm đều phải được phản ánh vào sổ sách kế toán và tổ chức kiểm kê đánh giá hàng năm theo quy định quản lý tài sản của Nhà nước.

4. Tài sản thiết bị để phục vụ công tác nghiên cứu khoa học được tính hao mòn; tài sản để phục vụ tư vấn, dịch vụ được tính khấu hao theo quy định. Các đơn vị có quy định quản lý sử dụng thiết bị riêng bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Quản lý biên chế công chức, viên chức, lao động hợp đồng và tiền lương

1. Viện thực hiện đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm quy định trong Luật Cán bộ, Công chức; Luật Viên chức, Bộ Luật Lao động và các quy định của pháp luật có liên quan đối với công chức, viên chức và người lao động.

2. Viện trưởng hủy bỏ hoặc yêu cầu Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Viện hủy bỏ các quyết định của đơn vị về quản lý, sử dụng viên chức và người lao động, quỹ tiền lương và thu nhập của công chức, viên chức và lao động hợp đồng trái với quy định của pháp luật và quy định của Viện.

Điều 20. Về bổ nhiệm, miễn nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý

1. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm và cách chức đối với công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý được thực hiện theo nguyên tắc tập trung, dân chủ do cấp ủy Đảng và Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện theo quy định.

2. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm, cách chức đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý được thực hiện theo quy định của pháp luật, hướng dẫn và phân cấp thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Việc quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, luân chuyển, miễn nhiệm, cách chức, điều động, nâng lương, chuyển ngạch, nghỉ hưu, cho thôi việc, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và người lao động phải được công khai trong đơn vị.

4. Viện trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với các chức danh cấp trưởng, cấp phó và kế toán trưởng của các đơn vị trực thuộc theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 21. Về đào tạo, bồi dưỡng

1. Viện thống nhất quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng cho công chức, viên chức, người lao động toàn khối Viện. Thực hiện quản lý, đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo quy định pháp luật.

2. Viện có trách nhiệm phối hợp với các Trường Đại học, các Viện trong nước và ngoài nước thực hiện công tác nghiên cứu, đào tạo để phát huy tổng hợp tiềm lực cán bộ và cơ sở vật chất nhằm giải quyết những vấn đề khoa học công nghệ phục vụ yêu cầu sản xuất và phát triển Viện.

3. Công chức, viên chức, lao động hợp đồng được cử đi đào tạo, bồi dưỡng phải tuân theo quy định của pháp luật và của Viện.

Điều 22. Về hợp tác quốc tế

1. Viện chủ động thiết lập mối quan hệ, hợp tác, ký các văn bản ghi nhớ, thỏa thuận về đào tạo, khoa học và công nghệ với các trường đại học, các tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài; mời chuyên gia nước ngoài đến nghiên cứu, giảng dạy và trao đổi kinh nghiệm tại Viện theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Bộ.

2. Viện xây dựng các dự án có vốn đầu tư nước ngoài trình cơ quan có thẩm quyền quyết định; huy động nguồn lực để thực hiện tốt các thỏa thuận, các dự án theo đúng quy định của pháp luật.

3. Viện xây dựng các chương trình đào tạo quốc tế trong khuôn khổ các dự án hợp tác với các trường đại học và các tổ chức khoa học, đào tạo có uy tín trên thế giới theo thông lệ quốc tế và quy định pháp luật của Việt Nam.

Điều 23. Về công tác bảo vệ chính trị nội bộ

1. Lãnh đạo, công chức, viên chức và người lao động của Viện, các đơn vị trực thuộc Viện, khi làm việc với các đối tác của các đề tài, dự án hợp tác quốc tế hoặc có yếu tố nước ngoài phải có kế hoạch được lãnh đạo Viện phê duyệt hoặc chấp thuận. Kết quả làm việc phải báo cáo Viện trưởng bằng văn bản.

2. Phó Viện trưởng, lãnh đạo các đơn vị trực thuộc và các cá nhân thuộc Viện chỉ được cung cấp thông tin liên quan đến tình hình, kết quả hoạt động của Viện, các chương trình, đề tài, đề án, dự án với các tổ chức cá nhân bên ngoài khi có sự đồng ý của Viện trưởng hoặc người được Viện trưởng ủy quyền.

3. Thực hiện các quy định của Đảng, quy định của pháp luật, quy định của Bộ và Viện về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng, bảo vệ bí mật nhà nước; phát ngôn và cung cấp thông tin.

Điều 24. Công tác văn thư

1. Tổ chức thực hiện công tác văn thư, sử dụng tư cách pháp nhân, quản lý và sử dụng con dấu của Viện và các tổ chức thuộc Viện theo quy định pháp luật.
2. Viện trưởng chỉ đạo xây dựng, thẩm định và ban hành quy chế tiếp nhận, xử lý, quản lý văn bản đi và văn bản đến; quản lý, khai thác, lưu trữ hồ sơ, tài liệu của Viện theo quy định.

Chương V MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 25. Chương trình, kế hoạch công tác

1. Căn cứ vào phương hướng, nhiệm vụ và chương trình công tác được giao, Viện có trách nhiệm xây dựng kế hoạch công tác 6 tháng, hàng năm để báo cáo Bộ theo quy định.
2. Những nhiệm vụ không hoàn thành theo tiến độ kế hoạch do khó khăn khách quan và chủ quan, Viện phải kịp thời báo cáo Bộ để xem xét, giải quyết.

Điều 26. Báo cáo công tác với lãnh đạo Bộ

1. Viện trưởng định kỳ báo cáo với Bộ trưởng tình hình hoạt động của Viện và kiến nghị các vấn đề cần giải quyết liên quan đến tổ chức, hoạt động của Viện.
2. Đối với những công việc đột xuất, cấp bách phải xin ý kiến chỉ đạo của Bộ trưởng, Thứ trưởng phụ trách thì Viện trưởng trực tiếp báo cáo. Nếu do khách quan không trực tiếp báo cáo thì phân công hoặc ủy quyền cho Phó Viện trưởng phụ trách lĩnh vực báo cáo với Bộ trưởng, Thứ trưởng phụ trách. Sau khi có ý kiến chỉ đạo của Bộ trưởng, Lãnh đạo Bộ, Phó Viện trưởng phải báo cáo với Viện trưởng để tổ chức thực hiện theo quy định.

Điều 27. Giữa Lãnh đạo Viện với lãnh đạo các tổ chức trực thuộc Viện và giữa lãnh đạo các tổ chức trực thuộc với nhau

1. Viện trưởng giao nhiệm vụ cho các tổ chức trực thuộc Viện thông qua Thủ trưởng đơn vị. Thủ trưởng các tổ chức trực thuộc Viện có trách nhiệm tổ chức thực hiện và báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao với Lãnh đạo Viện theo quy định; phối hợp chặt chẽ trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao.
2. Viện thống nhất quản lý đối với các đơn vị trực thuộc về các lĩnh vực: Tổ chức bộ máy và nhân sự; kế hoạch nghiên cứu khoa học, đề xuất và thực hiện các đề tài, dự án khoa học công nghệ cấp Bộ và cấp Nhà nước; tài chính; xây dựng cơ bản; đào tạo và hợp tác quốc tế.
3. Viện là đầu mối quản lý hoạt động tự chủ của các đơn vị trực thuộc về những lĩnh vực: Chuyên giao công nghệ, hợp tác với địa phương, đào tạo nguồn nhân lực, tư vấn dịch vụ và tư vấn dịch vụ.
4. Trường hợp cần huy động viên chức, người lao động của đơn vị khác, phải trao đổi trực tiếp với lãnh đạo đơn vị quản lý viên chức, người lao động cần huy động.

Điều 28. Giữa lãnh đạo Viện với tổ chức Đảng, các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội

1. Quan hệ giữa Lãnh đạo Viện với tổ chức Đảng

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Viện hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

b) Quan hệ công tác giữa Lãnh đạo Viện với Ban Chấp hành Đảng bộ Viện thực hiện theo quy định của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các đơn vị sự nghiệp và quy định pháp luật.

2. Quan hệ giữa Lãnh đạo Viện với tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội

a) Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức chính trị, xã hội trong Viện (sau đây gọi tắt là tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội) hoạt động theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Tổ chức.

b) Quan hệ công tác giữa Lãnh đạo Viện và các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội là mối quan hệ phối hợp, tạo điều kiện để các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội hoạt động có hiệu quả, phù hợp với tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ của các đoàn thể đã xác định và quy định của pháp luật.

Điều 29. Giữa lãnh đạo Viện với công chức, viên chức và lao động hợp đồng thuộc Viện

Lãnh đạo Viện phối hợp với Cấp ủy Đảng, Ban Chấp hành Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Viện chăm lo và tạo điều kiện làm việc, học tập và nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ cho công chức, viên chức, lao động hợp đồng; xây dựng nếp sống văn hóa công sở; đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau cùng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Điều 30. Giữa Viện với các cơ quan ngoài Viện

1. Viện có trách nhiệm hợp tác với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, ngoài Bộ và các địa phương; phối hợp với các cơ quan nghiên cứu khoa học, đào tạo ở trong Ngành, ngoài Ngành để phục vụ phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

2. Viện chủ động phối hợp với chính quyền địa phương nơi đặt trụ sở, hiện trường nghiên cứu trong việc ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ vào sản xuất, đào tạo nhân lực cho địa phương; bảo đảm trật tự, an ninh, cảnh quan, môi trường và các điều kiện khác theo quy định.

Điều 31. Giữa Viện với các tổ chức quốc tế, cá nhân nước ngoài

Viện được hợp tác với các tổ chức quốc tế, các cá nhân nước ngoài trong nghiên cứu khoa học, đào tạo và phát triển thuộc nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

Chương VI

CÔNG TÁC KIỂM TRA, THANH TRA, THI ĐUA, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 32. Kiểm tra, thanh tra

1. Viện thực hiện hoạt động kiểm tra nội bộ, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng thuộc thẩm quyền theo quy định.

2. Viện chịu sự kiểm tra, thanh tra của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Thi đua, Khen thưởng

1. Tổ chức phát động, chỉ đạo phong trào thi đua thường xuyên, thi đua theo đợt, theo chuyên đề của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, địa phương và của Viện theo quy định.

2. Tổ chức tuyên truyền, nhân rộng các điển hình tiên tiến, giữ vững và phát huy tác dụng của các điển hình trong hoạt động thực tiễn của Viện Quy hoạch Thủy lợi và các đơn vị trực thuộc Viện.

3. Viện trưởng xét, công nhận hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền công nhận danh hiệu thi đua, khen thưởng cho tập thể, cá nhân theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.

Điều 34. Xử lý vi phạm

Công chức, viên chức, người lao động vi phạm các quy định của pháp luật, điều lệ, nội quy, quy chế làm việc và những quy định khác của Viện sẽ bị xử lý kỷ luật hành chính, đền bù về vật chất theo quy định của Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức, quy định của pháp luật và quy chế của Viện.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 35. Viện trưởng Viện Quy hoạch Thủy lợi căn cứ Điều lệ này để tổ chức thực hiện theo quy định.

Điều 36. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề cần kiến nghị sửa đổi, bổ sung, Viện trưởng Viện Quy hoạch Thủy lợi báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Vụ Tổ chức cán bộ) để xem xét, quyết định./.

BỘ TRƯỞNG

Cao Đức Phát